

Số: 666 /CT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2020

CHỈ THỊ**Về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2020 - 2021 của ngành Giáo dục**

Năm học 2020 - 2021, ngành Giáo dục tập trung thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giáo dục và đào tạo, đặc biệt là hoàn thiện cơ chế, chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Căn cứ các yêu cầu trên và tình hình thực tiễn của các địa phương, của ngành, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ thị toàn ngành Giáo dục tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp cơ bản trong năm học 2020 - 2021 như sau:

I. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước**

1.1. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo yêu cầu tại Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; khắc phục tình trạng nhiều điểm trường lẻ, trường học có quy mô nhỏ, chất lượng giáo dục chưa cao để tập trung đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; tổ chức sơ kết đánh giá việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở mầm non, phổ thông trên toàn quốc.

1.2. Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những nơi có điều kiện. Rà soát các cơ sở giáo dục mầm non độc lập, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động và tiêu chuẩn đội ngũ, cơ sở vật chất tối thiểu để bảo đảm chất lượng giáo dục.

1.3. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và các trường sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tổ chức triển khai thực hiện Đề án sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

2.1. Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; có chính sách thu hút học sinh giỏi vào ngành sư phạm; quan tâm xây dựng các chính sách, cơ chế mang tính đặc thù phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

2.2. Quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ GDĐT ban hành¹, bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên của từng bậc học theo Luật Giáo dục năm 2019; rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên; bảo đảm số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; thực hiện tốt chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2.3. Phát triển cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; các địa phương chủ động đặt hàng với các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên cho địa phương theo yêu cầu tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng.

2.4. Ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; thực hiện hiệu quả Đề án của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông và giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.

2.5. Triển khai hiệu quả Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả của giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học; công tác giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên

¹ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 28/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 10/2019/TT-BGDĐT, Thông tư số 13/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1. Tổng kết, đánh giá triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2016 - 2020”; phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ; hướng tới việc phát triển các phẩm chất, năng lực và liên thông với giáo dục tiểu học; hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập và đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường về bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Quan tâm hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non, đặc biệt đối với khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1; tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025; quản lý chặt chẽ việc cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động đối với giáo dục mầm non.

3.2. Đẩy mạnh việc triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

Triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1 từ năm học 2020 - 2021; tiếp tục rà soát, bổ sung, bảo đảm đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; lựa chọn và bố trí đủ giáo viên có kinh nghiệm triển khai chương trình, sách giáo khoa mới để dạy lớp 1 trong năm học 2020 - 2021.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; tổ chức thẩm định, phê duyệt sách giáo khoa các môn học và hoạt động giáo dục lớp 2, lớp 6 và tài liệu giáo dục địa phương theo lộ trình. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc bảo đảm sách giáo khoa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 2, lớp 6.

Tiếp tục triển khai xã hội hóa biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; tổng kết đánh giá việc xã hội hóa biên soạn, phát hành sách giáo khoa lớp 1.

3.3. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đẩy mạnh giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học; thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

3.4. Triển khai thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ triển khai Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban

Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, quản trị các cơ sở giáo dục thường xuyên; nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng; nâng cao hiệu quả công tác xoá mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

3.5. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1223/KH-BGDĐT ngày 28/12/2019 triển khai Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018 - 2025; xây dựng mô hình thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo hướng mở, tăng cường xã hội hóa các nguồn lực; nâng cao chất lượng tư vấn nghề, thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề.

3.6. Đầu tư các nguồn lực và thực hiện cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi; rà soát các chính sách đối với người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi để đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách phù hợp với tình hình thực tế; đánh giá thực trạng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi để có phương án quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.7. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho học sinh phổ thông; rà soát, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên vào các môn học chính khóa; triển khai thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường an ninh, an toàn trường học và các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường.

3.8. Tổng kết thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020; đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trong các cơ sở giáo dục; xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục thể chất, y tế trường học; nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng an toàn trong hoạt động giáo dục thể chất, chủ động phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh, sinh viên; tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch, bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19; tổ chức có hiệu quả câu lạc bộ thể thao trường học. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 về Đề án đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và tăng cường các hoạt động vận động nhằm nâng cao tầm vóc, thể chất của học sinh, sinh viên. Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng tại các khu vực và Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2021.

4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo

4.1. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; bảo đảm cơ cấu, số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, nhất là giáo viên phổ thông, đáp ứng yêu cầu và tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới; bảo đảm 100% học sinh lớp 3 được học ngoại ngữ vào năm học 2022 - 2023; tiếp tục triển khai dạy học một số môn học khác bằng ngoại ngữ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ².

4.2. Khuyến khích triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh) và triển khai dạy tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2 ở các địa phương có đủ điều kiện thực hiện; tiếp tục khuyến khích mở rộng đối tượng học sinh học chương trình môn Tiếng Anh hệ 10 năm từ năm học 2020 - 2021 để sẵn sàng thực hiện chương trình môn Tiếng Anh mới theo lộ trình; tiếp tục hoàn thiện, xây dựng chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của các ngành, nghề đào tạo; khuyến khích triển khai các chương trình đào tạo sử dụng ngoại ngữ là ngôn ngữ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học.

4.3. Tiếp tục đổi mới phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, bảo đảm việc đánh giá được thực hiện chính xác, công bằng, tin cậy; tăng cường rà soát, chỉ đạo, hướng dẫn công tác tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc gia bảo đảm minh bạch, khách quan, trung thực.

4.4. Bổ sung trang thiết bị thiết yếu, học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ; tiếp tục xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống hỗ trợ dạy học tiếng Anh trực tuyến và trên máy tính cho cấp học phổ thông.

4.5. Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025. Phát động phong trào học tiếng Anh, xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ tại các trường phổ thông và cơ sở giáo dục đại học.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

5.1. Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, tập trung hoàn thiện chính sách phát triển, phương thức giáo dục, đào tạo trực tuyến, quản lý giáo dục trên môi trường mạng.

5.2. Sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

² Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

5.3. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ; tiếp tục hoàn thiện và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và giáo dục thường xuyên; triển khai kết nối liên thông dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

5.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; đẩy mạnh dạy học trực tuyến; phát triển kho học liệu số toàn ngành. Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý học tập qua mạng để bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đại trà thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo phương thức bồi dưỡng thường xuyên, liên tục ngay tại nhà trường.

5.5. Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói; xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ đối với các cơ sở giáo dục

6.1. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục theo quy định; trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông.

6.2. Rà soát và bảo đảm các điều kiện thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, trong đó thực hiện kiện toàn Hội đồng trường theo thời hạn quy định, bảo đảm thực quyền theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

6.3. Triển khai thực hiện việc cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm định chất lượng giáo dục đại học; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và việc thực hiện tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học.

6.4. Thực hiện việc công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

7.1. Tăng cường các hoạt động hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo trong khuôn khổ các tổ chức, diễn đàn đa phương; tiếp tục đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó có các chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định.

7.2. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua hợp tác với các cơ sở giáo dục có chất lượng cao của nước ngoài về trao đổi học sinh, giáo viên, kinh nghiệm và

phương pháp giảng dạy. Kết nối, thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan quản lý giáo dục của các địa phương và các cơ quan, cơ sở giáo dục đào tạo của nước ngoài.

7.3. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, công nhận tín chỉ với các trường đại học nước ngoài có uy tín; tạo điều kiện để sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại Việt Nam. Đẩy mạnh việc thu hút các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín vào Việt Nam thành lập các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của các cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

7.4. Quản lý chặt chẽ, tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các trung tâm tư vấn du học. Khai thác hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý các tổ chức tư vấn du học và cổng thông tin điện tử tiếp nhận du học sinh nước ngoài đến học tập tại Việt Nam. Tăng cường chia sẻ thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo; nâng cao hiệu quả của đội ngũ cán bộ chuyên trách giáo dục tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

8. Tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

8.1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, nhất là lớp 1 từ năm học 2020 - 2021; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 2, lớp 6 theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

8.2. Triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, đầu tư xây dựng phòng học để thay thế các phòng học tạm thời, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, phòng học nhỡ, mượn, thuê. Đẩy mạnh việc xây dựng các trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

8.3. Thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, địa bàn ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thành các mục tiêu của chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, chương trình kiên cố hóa trường lớp học, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

9.1. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Đa dạng hóa phương thức đào tạo dựa trên mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

9.2. Phát triển các cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo chất lượng cao tiến tới đạt chuẩn khu vực và thế giới để thu hút số sinh viên có nhu cầu và điều kiện du học ở nước ngoài về học tập trong nước chất lượng cao.

9.3. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12/3/2020 của Chính phủ.

9.4. Triển khai xây dựng chuẩn chương trình đào tạo đối với các trình độ của giáo dục đại học cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học theo Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020 - 2025 để các cơ sở giáo dục đại học xây dựng, phát triển, thực hiện và quản lý chương trình đào tạo bảo đảm chất lượng theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

9.5. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp. Tăng cường gắn kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học cùng tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

9.6. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến, một số phòng thí nghiệm, chương trình nghiên cứu để phát triển một số đại học/trường đại học trọng điểm.

9.7. Các cơ sở giáo dục chú trọng việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, bồi dưỡng tài năng trẻ từ học sinh, sinh viên giỏi, xuất sắc.

II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục và đào tạo

1.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục; ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy định chi tiết Luật Giáo dục năm 2019; rà soát các văn bản hiện hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm bảo đảm phù hợp với các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục năm 2019.

1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

1.3. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào những vấn đề được xã hội quan tâm.

1.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính việc thực hiện chính sách để kịp thời đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục và đào tạo.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục và đào tạo

2.1. Triển khai bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Giám đốc/Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng/Phó trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo; triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý giáo dục các cấp; thực hiện chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

2.2. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng biên chế công chức, viên chức, số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm; đánh giá, phân loại công chức, viên chức bảo đảm thực chất, khách quan, công bằng. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, lối sống văn minh đối với cán bộ quản lý giáo dục.

2.3. Rà soát các vấn đề giáo dục và đào tạo trong toàn ngành để chủ động chỉ đạo giải quyết dứt điểm để khắc phục những hạn chế, bất cập. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những cơ sở giáo dục đại học không bảo đảm chất lượng, hoạt động không hiệu quả để có phương án xử lý.

2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc những vấn đề nóng mà dư luận xã hội quan tâm.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục đại học, nhất là việc thực hiện quy định về thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình; công tác tuyển sinh; các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động tư vấn du học. Xem xét dừng tuyển sinh các chương trình, các ngành đào tạo không đảm bảo chất lượng.

Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; tăng chế tài xử phạt đối với một số hành vi vi phạm có tổ chức, ảnh hưởng nghiêm trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1048/CT-BGDĐT ngày 28/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường thanh tra giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và tự chủ giáo dục đại học.

3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

3.1. Phân bổ đủ nguồn lực theo đúng lộ trình để triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. Cân đối, bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn ngân sách Trung ương kết hợp ngân sách địa phương để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án đã được phê duyệt, đặc biệt là kinh phí triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

3.3. Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định khung giá dịch vụ giáo dục và đào tạo của các cơ sở giáo dục công lập; cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2021 - 2022 theo Luật Giáo dục năm 2019, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo quy định và mục tiêu an sinh xã hội, ưu tiên đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn để tạo cơ hội học tập của trẻ em trên cả nước.

3.4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc chỉ đạo, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 và kiểm soát lạm thu; công khai kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm 2020; thực hiện công khai phân bổ, sử dụng có hiệu quả ngân sách năm 2021; xây dựng dự toán ngân sách đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

3.5. Triển khai tích cực và có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025; huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cho giáo dục và đào tạo; thực hiện chính sách phát triển xã hội hóa giáo dục, đặc biệt là chính sách phát triển trường lớp mầm non tại khu công nghiệp; xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển giáo dục đào tạo chất lượng cao, đào tạo theo nhu cầu xã hội.

4. Tăng cường công tác khảo thí, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

4.1. Thực hiện phương án tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng sau năm 2025; đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và dự thi Olympic khu vực và quốc tế, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia và quốc tế; tiếp tục thực hiện các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực và quốc tế.

4.2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa phục vụ đánh giá chất lượng giáo dục định kỳ trong giáo dục phổ thông và các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thực hiện ra đề kiểm tra, đánh giá định kỳ trong giáo dục phổ thông theo ma trận câu hỏi thống nhất, bảo đảm phản ánh đúng chất lượng

giáo dục của các nhà trường; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục.

4.3. Đẩy mạnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, nhất là đối với kiểm định chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục đại học; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với quy định của Luật Giáo dục năm 2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và thực tiễn; xây dựng phần mềm quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm định chất lượng giáo dục đại học để quản lý việc thực hiện tại các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

4.4. Kiểm tra việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học, công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo; thực hiện việc giám sát, đánh giá các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo

5.1. Đẩy mạnh công tác truyền thông đối với các hoạt động lớn của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo³.

5.2. Chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1 và chuẩn bị các điều kiện để triển khai đối với lớp 2, lớp 6.

5.3. Đẩy mạnh truyền thông, truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định, các hoạt động lớn của ngành đến từng cán bộ, giáo viên và người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; truyền thông gương người tốt, việc tốt trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo.

5.4. Chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao hiệu quả việc phân tích và xử lý thông tin đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể của đơn vị; tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm học, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc, nảy sinh trong quá trình thực hiện.

2. Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị này và tình hình thực tiễn của địa phương, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2020 - 2021 ở địa phương và tổ

³ Như Nghị quyết 29-NQ/TW, Nghị quyết 88/2014/QH13, Kết luận số 51-KL/TW, Kết luận 49-KL-TW.

chức triển khai kế hoạch nhiệm vụ năm học, trong đó lưu ý các giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục trong bối cảnh dịch Covid-19 có thể còn diễn biến phức tạp.

Riêng đối với những địa phương phải thực hiện giãn cách, cách ly xã hội để phòng chống dịch Covid-19, sẽ tổ chức việc dạy và học trực tuyến qua Internet và trên truyền hình với phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng học” nhằm thực hiện mục tiêu kép là vừa chống dịch hiệu quả, vừa bảo đảm kế hoạch năm học.

Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2020 - 2021; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.

3. Giám đốc đại học, học viện, hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp năm học 2020 - 2021; thực hiện các giải pháp đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

4. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý giáo dục các cấp; nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm thực hiện nghiêm túc Chi thị này.//

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDĐTNTNND của Quốc hội;
- Các tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- Hội Cựu Giáo chức Việt Nam;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các sở GDĐT;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ GDĐT;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT;
- Các cơ sở giáo dục đại học;
- Các trường cao đẳng sư phạm;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TH.

BỘ TRƯỞNG



Đề
phối
hợp

Phùng Xuân Nhạ

Đề
thực
hiện